TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 02**/2019/KDTM-ST
Ngày 20/02/2019
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên
2. Ông Phạm Thành Ngôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên *tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 25/2018/TLST–KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2018 , về việc tranh chấp: *"Hợp đồng tín dụng"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Tổng Giám đốc

Trụ sở: quận K, thành phố N

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Bé T – Chức vụ Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh G. (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A).

Người được ủy quyền lại: Ông Vũ Tiến B – Phó phòng Quản lý Khách hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh G. (Theo Quyết định v/v ủy quyền lại tham gia tố tụng số 351/QĐ-BIDV.AG ngày 07/6/2018 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh G). (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950

Hộ khẩu thường trú: khóm K 1, phường H, thành phố X, tỉnh G. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Phần trình bày của ông Vũ Tiến B là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A:* Ngày 24/01/2017, Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh G với bà Nguyễn Thị N có ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2017/7747246/HĐTD ngày 24/01/2017 cho vay với số tiền và nội dung như sau:

+ Số tiền vay là: 550.000.000 đồng (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*)

+ Mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh tạp hóa các loại.

+ Thời hạn vay: 11 tháng, kể từ ngày 24/01/2017 đến ngày 24/12/2017

+ Lãi suất cho vay trong hạn: 9,2%/ năm.

+ Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+ Lịch trả nợ gốc cuối kỳ: vào ngày 24/12/2017 trả số tiền gốc là: 550.000.000 đồng

+ Lịch trả lãi: hàng tháng

- Để đảm bảo cho khoản tiền vay bà Nguyễn Thị N đã thế chấp quyền sử dụng đất ở và đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại phường H, thành phố X, tỉnh G (số thửa: 205; Tờ bản đồ số: 11) do bà Nguyễn Thị N làm chủ sở hữu. Tổng giá trị tài sản thế chấp theo định giá là: 716.535.000 đồng (*Bảy trăm mười sáu triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng*)

Việc thế chấp này được bà Nguyễn Thị N ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7747246/HĐBĐ ngày 24/01/2017 với Ngân Hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần A-Chi nhánh G do Văn Phòng Công chứng X chứng nhận ngày 24/01/2017, số công chứng 151; quyển số: 15.TP/CC-SCC/HĐGĐ; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số tiếp nhận hồ sơ: Số thứ tự 0498 do Văn Phòng Đăng Ký Đất đai chi nhánh X, tỉnh G xác nhận ngày 24/01/2017. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng qui định của pháp luật.

+ Ngày 24/01/2017, bà Nguyễn Thị N đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã đăng ký tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh G là 550.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị N chỉ thực hiện trả lãi cho Ngân hàng vào các ngày như sau:

+ Ngày 28/02/2017: thanh toán 3.300.000 đồng

+ Ngày 31/03/2017: thanh toán 4.200.000 đồng

+ Ngày 03/05/2017: thanh toán 4.300.000 đông

+ Ngày 07/06/2017: thanh toán 3.801.667 đồng

+ Ngày 07/08/2017: thanh toán 9.000.000 đồng

Tổng cộng số tiền lãi bà N đã thanh toán là: 25.351.677 đồng

Sau đó, bà Nguyễn Thị N ngưng trả nợ lãi và gốc, tính đến ngày 23/05/2018 thời gian không trả nợ lãi vay của bà N đã hơn 09 tháng (304 ngày lãi chưa thanh toán); Quá hạn nợ gốc với số tiền 550.000.000 đồng từ ngày 25/12/2017, đến ngày 18/11/2018, bà N có thanh toán cho Ngân hàng được vốn gốc 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), còn nợ lại vốn vay 250.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 19/02/2019 là 95.181.111 đồng.

Do, bà Nguyễn Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở việc trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng nhưng bà N vẫn không thực hiện làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu giải quyết:

+ Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A do Ngân hàng Thương mại Cổ phần A-Chi nhánh G đại diện nhận số tiền vốn là: 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) và tổng số tiền lãi (bao gồm lãi vay trong hạn và lãi vay quá hạn) tạm tính đến ngày 19/02/2019 là: 95.181.111 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/7747246HĐTD ngày 24/01/2017 trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

+ Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7747246HĐTD ngày 24/01/2017 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị N với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A-Chi nhánh G để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại phiên tòa, ông B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) bà N đã thanh toán cho ngân hàng vào ngày 18/11/2018 nên không yêu cầu tòa án giải quyết đối với số tiền vốn vay này.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày và ý kiến tại các biên bản hòa giải tại Tòa án thể hiện nội dung: Bà thống nhất với ý kiến trình bày của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, bà có ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2017/7747246/HĐTD ngày 24/01/2017 với ngân hàng vay số tiền vốn gốc là: 550.000.000 đồng (bằng chữ: *Năm trăm năm mươi triệu đồng*) Mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh tạp hóa các loại.

+ Thời hạn vay: 11 tháng, kể từ ngày 24/01/2017 đến ngày 24/12/2017

+ Lãi suất cho vay trong hạn: 9,2%/ năm.

+ Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+ Lịch trả nợ gốc cuối kỳ: vào ngày 24/12/2017 trả số tiền gốc là: 550.000.000 đồng

+ Lịch trả lãi: hàng tháng

- Để đảm bảo cho khoản tiền vay bà đã thế chấp quyền sử dụng đất ở và đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại: phường H, thành phố X, tỉnh G (số thửa: 205; Tờ bản đồ số: 11) do bà làm chủ sở hữu. Việc thế chấp này được bà ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7747246/HĐBĐ ngày 24/01/2017 với Ngân Hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần A-Chi nhánh G do Văn Phòng Công chứng X chứng nhận ngày 24/01/2017, số công chứng 151; quyển số: 15.TP/CC-

SCC/HĐGĐ và bà N có ký vào đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số tiếp nhận hồ sơ: Số thứ tự 0498 do Văn Phòng Đăng Ký Đất đai chi nhánh X, tỉnh G xác nhận ngày 24/01/2017.

Trong quá trình tòa án tiến hành giải quyết vụ án thì bà có trả cho Ngân hàng được 300.000.000 đồng, số tiền vốn vay còn lại bà nợ 250.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 29/10/2018 là 84.351.944 đồng

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền vốn vay còn nợ ngân hàng số tiền vốn là 250.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 29/10/2018 là 84.351.944 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/7747246HĐTD ngày 24/01/2017 trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp thì bà cũng đồng ý nhưng do khó khăn nên bà có yêu cầu Ngân hàng cho bà thời gian để bà sẽ trả tiền cho ngân hàng tiền vốn và lãi phát sinh.

Tại phiên tòa, ông Vũ Tiến B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Nguyễn Thị N đối với số tiền nợ vay 300.000.000 đồng đã trả cho ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả nợ vốn vay 250.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7747246HĐTD ngày 24/01/2017 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị N với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A-Chi nhánh G để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vốn gốc bà N đã thanh toán là 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A do ông Phan Đức T - Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Bé T - Chức vụ Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Chi nhánh G theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Ông Nguyễn Văn Bé T ủy quyền lại cho ông Vũ Tiến B – Phó phòng Quản lý Khách hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh G đại diện theo Quyết định v/v ủy quyền lại tham gia tố tụng số 351/QĐ-BIDV.AG ngày 07/6/2018 của Giám đốc Ngân hàng Thương

mại Cổ phần A - Chi nhánh G, thủ tục ủy quyền hợp lệ phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị N mặc dù được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng bà N vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông Vũ Tiến B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải trả đối với số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng tại hợp đồng tín dụng dụng số: 01/2017/7747246HĐTD ngày 24/01/2017 do bà N đã trả cho Ngân hàng vào ngày 18/11/2018 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

[2] *Về thẩm quyền:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị N yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/7747246HĐTD ngày 24/01/2017. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo thỏa thuận giữa hai bên tại hợp đồng tín dụng mục đích vay nhằm bổ sung vốn kinh doanh tạp hóa các loại, bà N có giấy phép đăng ký hộ kinh doanh và việc cho vay phát sinh vì mục đích kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] Về nội dung, Hội đồng xét xử nhận định đối với vụ án như sau:

Trong quá trình giải quyết Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và bà N thống nhất trình bày giữa các bên có thỏa thuận ký với những nội dung tại hợp đồng tín dụng số 01/2017/7747246/HĐTD ngày 24/01/2017, ngân hàng cho bà N vay số tiền 550.000.000 đồng (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*); Mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh tạp hóa các loại; Thời hạn vay: 11 tháng, kể từ ngày 24/01/2017 đến ngày 24/12/2017. Lãi suất cho vay trong hạn: 9,2%/ năm. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lịch trả nợ gốc cuối kỳ: vào ngày 24/12/2017 trả số tiền gốc là: 550.000.000 đồng. Lịch trả lãi: hàng tháng. Giữa hai bên có ký kết và thỏa thuận tự nguyện phù hợp theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 18/11/2018, bà Nguyễn Thị N có thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ vốn vay là 300.000.000đồng và đối với phần vốn gốc còn lại là 250.000.000 đồng được ông B đại diện cho Ngân hàng và bị đơn bà N thống nhất nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự để xác định đối với số tiền vốn vay bà N còn nợ tại hợp đồng tín dụng số 01/2017/7747246/HĐTD ngày 24/01/2017 là 250.000.000 đồng và do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, bà N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền

vốn vay 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/7747246/HĐTD ngày 24/01/2017 đã ký kết.

Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì căn cứ vào Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7747246/HĐTD ngày 24/01/2017 thì tiền lãi phát sinh từ số tiền vốn vay bà N vi phạm nghĩa vụ trả lãi là ngày 07/8/2017 tạm tính đến ngày 19/02/2019 với tiền lãi số tiền là: 95.181.111 đồng (trong đó lãi trong hạn: 70.698.889 đồng, lãi phạt chậm trả 24.482.222 đồng). Xét thấy, bà N cũng thừa nhận từ ngày 07/8/2017, bà N không đóng lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A vì hoàn cảnh kinh tế của bà đang gặp khó khăn nên không thể thực hiện việc trả tiền vốn vay và tiền lãi. Tại phiên tòa, ông B đại diện cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không đồng ý kéo dài thêm thời gian trả nợ và cũng như giảm lãi theo yêu cầu của bà N. Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với việc bà N không đóng lãi đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận và gây thiệt hại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, hai bên thỏa thuận tự nguyện ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2017/7747246/HĐTD ngày 24/01/2017 với nội dung thỏa thuận tại hợp đồng nên yêu cầu tính lãi phát sinh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tổng cộng số tiền vốn và lãi mà bà N phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A là 345.181.111 đồng (*Ba trăm bốn mươi lăm triệu một trăm tám mươi mốt nghìn một trăm mười một đồng*). Trong đó: số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) và tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày 19/02/2019 là: 95.181.111 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/7747246HĐTD ngày 24/01/2017 cho đến khi bà N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Để đảm bảo khoản nợ vay thì bà Nguyễn Thị N đã ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7747246/HĐBĐ ngày 24/01/2017 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A-Chi nhánh G do Văn Phòng Công chứng X chứng nhận ngày 24/01/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn Phòng Đăng Ký Đất đai chi nhánh X, tỉnh G xác nhận ngày 24/01/2017. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thế chấp trên phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được chấp nhận, bà Nguyễn Thị N thừa nhận đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A nhằm đảm bảo khoản vay bà N đồng ý với yêu cầu của ngân hàng tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp không có yêu cầu gì khác. Do đó, nghĩ nên tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7747246/HĐBĐ ngày 24/01/2017 để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:* Do, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo trong giai đoạn thi hành án được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã nộp tạm ứng chi phí theo biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) nên bà N có nghĩa vụ hoàn lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A do Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh AG đại diện nhận số tiền là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

[5] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được chấp nhận nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần A do Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh G đại diện được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí theo quy định tại khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào:**

+ Điều 297, Điều 306 Luật thương mại;

+ Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010.

+ Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 158, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 232, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với bà Nguyễn Thị N

1/ Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A do Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh G đại diện nhận số tiền 345.181.111 đồng (*Ba trăm bốn mươi lăm triệu một trăm tám mươi mốt nghìn một trăm mười một đồng*). Trong đó: tiền nợ gốc 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) và tổng số tiền lãi (bao gồm lãi vay trong hạn và lãi vay quá hạn) tạm tính đến ngày 19/02/2019 là: 95.181.111 đồng (*Chín mươi lăm triệu một trăm tám mươi mốt nghìn một trăm mười một đồng*) .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/02/2019) bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền vốn vay 300.000.000 đồng (*Ba*

trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/7747246HĐTD ngày 24/01/2017.

3/-Tiếp duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7747246/HĐBĐ ngày 24/01/2017 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Chi nhánh G với bà Nguyễn Thị N do Văn Phòng Công chứng X chứng nhận ngày 24/01/2017 và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn Phòng Đăng Ký Đất đai chi nhánh X, tỉnh G ngày 24/01/2017 để đảm bảo cho việc thi hành án.

4/- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A do Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Chi nhánh G đại diện nhận chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

5/- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần A do Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Chi nhánh G đại diện nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 14.062.972 đồng (*Mười bốn triệu không trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng*) theo biên lai thu số 0008865 ngày 13 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

Bà Nguyễn Thị N phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 17.259.056 đồng (*Mười bảy triệu hai trăm năm mươi chín nghìn không trăm năm mươi sáu đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- Lưu: hồ sơ;VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Ngọc Thúy